

THÔNG BÁO

V/v Chủ đề thi lâm sàng tốt nghiệp bậc đại học năm 2018

Thực hiện kế hoạch số 251/KH-ĐHYDCT ngày 09/3/2018 về việc xét và thi tốt nghiệp đại học năm 2018; Thông báo số 466/ĐHYDCT ngày 16/4/2018 về việc xây dựng nội dung và kế hoạch thi lâm sàng tốt nghiệp năm 2018; Nhà trường thông báo sinh viên ngành Y đa khoa, Y học cổ truyền và Răng hàm mặt năm cuối chủ đề thi tốt nghiệp lâm sàng năm 2018, cụ thể:

I. NGÀNH Y ĐA KHOA

1.1 Phần chung:

TT	Chủ đề	Ghi chú
Nội khoa		
1	1. Sốc nhiễm trùng.	Hồi sức
2	2. Suy hô hấp.	
3	3. Tai biến mạch máu não.	
4	4. Ngộ độc.	
5	5. Suy thận cấp.	
6	6. Hôn mê do đái tháo đường.	
7	7. Nhồi máu cơ tim cấp.	
8	8. Choáng phản vệ,	
9	9. Phù phổi cấp.	
10	1. Bệnh nhồi máu não	Thần kinh
11	2. Bệnh xuất huyết não	
12	3. Bệnh xuất huyết khoang dưới nhện	
13	4. Bệnh động kinh	
14	5. Bệnh nhược cơ	
15	6. Bệnh tủy sống(viêm tủy)	
16	7. Bệnh thần kinh ngoại biên (Hội chứng Guillain-Baré)	
17	1. Bệnh tim thiếu máu cục bộ	Tim mạch
18	2. Nhồi máu cơ tim cấp	
19	3. Đau thắt ngực không ổn định	
20	4. Suy tim	
21	5. Tăng huyết áp	
22	6. Rối loạn nhịp	
23	7. Bệnh động mạch chi dưới	
24	8. Huyết khối động mạch chi dưới	

25	1. Xuất huyết giảm tiểu cầu	Huyết học
26	2. Thalassemia	
27	3. Bạch cầu cấp	
28	4. Suy tủy	
29	1. Trào ngược dạ dày thực quản	Tiêu hóa
30	2. Viêm loét dạ dày tá tràng	
31	3. Viêm gan, Xơ gan và các biến chứng	
32	4. Áp xe gan	
33	5. Viêm đại tràng	
34	6. Viêm tụy cấp	
35	7. Xuất huyết tiêu hóa	
36	1. Suy Thận mạn	Thận
37	2. Hội chứng thận hư	
38	3. Nhiễm trùng tiểu	
39	4. Thận nhân tạo	
40	1. Viêm khớp dạng thấp	Khớp
41	2. Loãng xương	
42	3. Thoái hóa khớp	
43	4. Bệnh gút	
44	1. Hội chứng chuyển hóa	Nội tiết
45	2. Rối loạn lipid máu	
46	3. Đái tháo đường	
47	4. Bệnh lý tuyến giáp	
48	1. Hen phế quản	Hô hấp
49	2. Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	
50	3. Viêm phổi cộng đồng, bệnh viện	
51	4. Dẫn phế quản	
52	5. Bệnh lý màng phổi (tràn khí, tràn dịch màng phổi)	
Ngoại khoa		
1	Chấn thương và vết thương bụng	
2	Viêm ruột thừa	
3	Tắc ruột	
4	Viêm tụy cấp	
5	Biến chứng loét dạ dày-tá tràng (Hẹp môn vị, thủng ổ loét dạ dày-tá tràng, xuất huyết tiêu hóa)	
6	Ung thư dạ dày	
7	Ung thư đại tràng-trực tràng	
8	Sỏi mật (sỏi túi mật, sỏi ống mật chủ)	
9	Áp xe gan amip và áp xe gan đường mật	
10	Ung thư gan nguyên phát	

11	Áp xe hậu môn trực tràng và rò hậu môn trực tràng	
12	Trĩ và nứt hậu môn	
13	Thoát vị bẹn	
14	Chấn thương và vết thương ngực	
15	Chấn thương mạch máu ngoại biên	
16	Gãy 2 xương cẳng tay	
17	Gãy xương cánh tay	
18	Gãy xương vùng khuỷu	
19	Trật khớp vai, khuỷu, háng	
20	Gãy cổ xương đùi	
21	Gãy 2 xương cẳng chân	
22	Gãy thân xương đùi	
23	Gãy xương cổ tay	
24	Gãy xương hở	
25	Chấn thương sọ não kín	
26	Vết thương sọ não	
27	Chấn thương cột sống	
28	Sỏi tiết niệu	
29	Chấn thương thận kín	
30	Chấn thương niệu đạo, bàng quang	
31	Bướu lành tiền liệt tuyến	
32	Ung thư tiền liệt tuyến	
Sản khoa		
1	Chẩn đoán thai nghén, chăm sóc thai nghén	
2	Chẩn đoán ngôi thể, kiểu thể	
3	Chăm sóc thiết yếu cho bà mẹ và trẻ sơ sinh sau sinh,	
4	Sinh lý chuyển dạ và theo dõi chuyển dạ (sản đồ, monitoring)	
5	Hậu sản thường – Sô nhau thường	
6	Nuôi con bằng sữa mẹ	
7	Các kỹ thuật đỡ đẻ, bóc nhau nhân tạo, kiểm soát tử cung, cắt may tầng sinh môn, sử dụng thuốc trong sản khoa (tăng co)	
8	Đẻ khó: ngôi mông, con co tử cung, ngôi bất thường, thai to, tầng sinh môn	
9	Bệnh lý nước ối: đau ối, thiếu ối	
10	Hội chứng 3 tháng đầu thai kỳ: sảy thai, thai chửa, thai ngoài	
11	Hội chứng 3 tháng cuối thai kỳ: nhau bong non, nhau tiền đạo, vỡ tử cung	
12	Chảy máu sau sinh	
13	Bệnh lý nội khoa trong thai kỳ: tăng huyết áp tahi kỳ, đái tháo đường, nhiễm trùng, tim	
14	Nhiễm trùng hậu sản	
15	Bệnh lý của thai: thai suy, thai già tháng, thai non tháng (đẻ non)	

16	Vết mổ cũ	
17	Khối u buồng trứng	
18	U xơ tử cung	
19	Bệnh lý cổ tử cung: viêm âm đạo, cổ tử cung, tổn thương lành tính và ung thư cổ tử cung	
20	Các biện pháp tránh thai	
21	Phương pháp đình chỉ thai nghén	
22	Khám phụ khoa, chọc dò túi cùng sau, nạo sinh thiết từng phần	
Nhi khoa		
1	Sốt	Hồi sức tích cực
2	Suy hô hấp	
3	Co giật	
4	Hôn mê	
5	Tiêu chảy	Tiêu hóa
6	Lỵ	
7	Xuất huyết tiêu hóa	
8	Đau bụng cấp	Sơ sinh
9	Nhiễm trùng sơ sinh	
10	Vàng da sơ sinh	
11	Suy hô hấp sơ sinh	
12	Tim bẩm sinh (thông liên thất, thông liên nhĩ, còn ống động mạch, tứ chứng Fallot)	Hô hấp
13	Suy tim	
14	Viêm phổi	
15	Viêm tiểu phế quản	
16	Hen phế quản	
17	Viêm màng phổi	
18	Tràn dịch màng phổi	
19	Áp xe phổi	
20	Viêm màng não	Nhiễm-SXH
21	Viêm màng não mủ	
22	Tay chân miệng	
23	Sốt xuất huyết – Dengue	
24	Sốt cao co giật	
25	Hội chứng thận hư	Thận
26	Viêm cầu thận cấp	
27	Nhiễm trùng tiểu	
28	Thiếu máu	Huyết học
29	Thalassemia	
30	Suy tủy	

31	Xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch	
32	Béo phì	Dinh dưỡng
33	Suy dinh dưỡng	

1.2 Phần kỹ năng

T	Chủ đề	Ghi chú
Nội khoa		
1	Khám bệnh nhân sốc.	HỒI SỨC
2	Khám bệnh nhân suy hô hấp.	
3	Khám bệnh nhân hôn mê.	
4	Khám bệnh nhân ngộ độc.	
5	1. Khám tri giác. - Khám và đánh giá được các trạng thái tri giác. - Đánh giá mức độ rối loạn tri giác bằng thang điểm Glasgow. - Kỹ thuật thăm khám đúng và mô tả kết quả chính xác.	THẦN KINH
6	2. Khám phản xạ. - Khám phản xạ gân cơ chi trên và chi dưới - Bao gồm: kỹ thuật đúng, xác định vị trí gõ đúng, mô tả kết quả chính xác.	
7	3. Khám cảm giác. - Khám cảm giác nông gồm: sờ, đau, nhiệt. - Khám cảm giác sâu gồm: cảm giác tư thế khớp, cảm giác vị trí, cảm giác rung. - Kỹ thuật đúng và mô tả kết quả chính xác.	
8	4. Khám vận động. - Khám cơ lực chi trên và chi dưới - Bao gồm: kỹ thuật thăm khám đúng, các nghiệm pháp đúng, - Mô tả kết quả chính xác.	
9	5. Khám 12 dây sọ. - Khám và đánh giá sự bất thường về triệu chứng - Kỹ thuật khám đúng và mô tả kết quả chính xác, có so sánh hai bên.	
10	Đọc ECG trong bệnh mạch vành	TIM MẠCH
11	Đọc ECG chẩn đoán biến chứng tim do bệnh mạch vành	
12	Kỹ năng hỏi bệnh xác định sớm dấu hiệu hội chứng vành cấp	
13	Điều trị ban đầu bệnh mạch vành cấp	
14	Điều trị tại bệnh viện các thể bệnh của hội chứng vành cấp	
15	Theo dõi và điều trị bệnh trong thời gian nằm viện và xuất viện bệnh hội chứng vành cấp	
16	Khám tim	
17	Khám mạch máu	
18	Khám tầm soát các biến chứng tăng huyết áp	
19	Khám phát hiện bệnh động mạch chi dưới	
20	Khám phát hiện rối loạn nhịp	
21	Khám phát hiện các dấu hiệu thoái hóa khớp gối (kỹ thuật khám và mô tả kết quả).	KHỚP

22	Khám cột sống và mô tả kết quả.	
23	Khám và mô tả các tính chất của khớp viêm.	
24	Thực hiện các dấu hiệu và nghiệm pháp phát hiện dấu hiệu chèn ép thần kinh tọa.	
25	Đặt các câu hỏi cần hỏi trong tiền sử đối với bệnh nhân nghi ngờ loãng xương.	
26	Đặt các câu hỏi cần hỏi trong bệnh sử đối với bệnh nhân vào viện vì sưng đau nhiều khớp.	
27	Khám thiếu máu	HUYẾT HỌC
28	Khám xuất huyết	
29	Khám gan, lách	
30	Khám hạch	
31	Khám thận tiết niệu	THẬN
32	Tiếp cận phù kiểu thận	
33	Hỏi và tư vấn chế độ ăn suy thận mạn	
34	- Khám vàng da - Khám bụng và các điểm đau ở bụng và tụy - Khám gan, lách, túi mật - Khám cổ trướng - Khám hậu môn và trực tràng	TIÊU HÓA
35	- Khám hô hấp - Đọc X quang ngực trong bệnh hô hấp - Phân tích hô hấp ký chẩn đoán bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	HÔ HẤP
36	- Khám tuyến giáp - Khám bàn chân đái tháo đường - Khám mạch máu chân - Đo huyết áp tư thế	NỘI TIẾT
Ngoại khoa		
1	Thăm khám bụng bệnh tiền phẫu: - Khám phát hiện hội chứng vàng da tắc mật - Khám phát hiện hội chứng tắc ruột - Khám phát hiện hội chứng viêm phúc mạc - Khám phát hiện hội chứng chảy máu trong - Khám gan, lách, túi mật - Khám và mô tả bệnh nhân có biểu hiện hẹp môn vị - Khám và mô tả các thuộc tính khối u vùng bụng - Các điểm đau và nghiệm pháp: McBurney, Murphy, cơ thắt lưng chậu, đề kháng thành bụng, cảm ứng phúc mạc, co cứng thành bụng, rung gan.	Ngoại tổng quát
2	Khám bụng bệnh nhân hậu phẫu - Quan sát vùng bụng - Mô tả tình trạng vết mổ: vùng bụng, vùng bẹn, vùng hậu môn. - Mô tả tình trạng các ống dẫn lưu bụng, sonde tiêu, sonde dạ dày.	

	- Khám tình trạng bụng qua động tác sờ bụng	
3	Thăm khám vùng bẹn – đùi: - Mô tả khối phòng vùng bẹn - Nghiệm pháp chặn lỗ bẹn sâu - Nghiệm pháp chạm ngón	
4	Khám hậu môn – trực tràng: - Quan sát vùng quanh hậu môn và mô tả kết quả - Thăm trực tràng: trình tự và mô tả kết quả	
5	Khám bệnh nhân chấn thương ngực - Gãy xương sườn: đánh giá mức độ đau, tổn thương kết hợp , tổn thương phối hợp - Khám đánh giá tình trạng suy hô hấp trong chấn thương ngực - Khám phát hiện tam chứng Galliard, hội chứng 3 giảm, màng sườn di động... - Đọc X-quang phổi chẩn đoán được các tổn thương thường gặp trên lâm sàng trong chấn thương. - Khám đánh giá ống dẫn lưu màng phổi - Chăm sóc và theo dõi ống dẫn lưu màng phổi	
6	Khám bệnh nhân chấn thương mạch máu ngoại biên - Khám dấu hiệu 6P - Khám hậu phẫu theo dõi bệnh nhân sau phục hồi lưu thông mạch máu do chấn thương	
7	Thăm khám bệnh nhân CTSN tiền phẫu - Phát hiện hội chứng tăng áp lực nội sọ - Triệu chứng tổn thương các dây thần kinh sọ - Đánh giá thang điểm hôn mê Glasgow - Khám phát hiện các dấu hiệu thần kinh khu trú - Khám phát hiện các dấu hiệu màng não - Khám phát hiện các dấu hiệu vỡ sán sọ - Khám phát hiện các biến chứng của CTSN	Ngoại lồng ngực – mạch máu
8	Thăm khám bệnh nhân CTSN hậu phẫu - Thăm khám mô tả tình trạng vết mổ - Khám đánh giá tình trạng ống dẫn lưu, sonde tiêu, sonde dạ dày, canul khí quản - Phát hiện hội chứng tăng áp lực nội sọ - Triệu chứng tổn thương các dây thần kinh sọ - Đánh giá thang điểm hôn mê Glasgow - Khám phát hiện các dấu hiệu thần kinh khu trú - Khám phát hiện các dấu hiệu màng não - Khám phát hiện các dấu hiệu vỡ sán sọ - Phát hiện các biến chứng sau mổ CTSN	
9	Thăm khám bệnh nhân chấn thương cột sống - Khám phát hiện các dấu hiệu chèn ép tủy, rễ thần kinh - Phát hiện các hội chứng chèn ép tủy, rễ thần kinh - Đánh giá tổn thương vận động tứ chi (sức cơ, trương lực cơ, phản xạ) - Đánh giá tổn thương cảm giác cơ thể	

	<ul style="list-style-type: none"> - Khám phát hiện các biến chứng chấn thương cột sống - Khám phân biệt được tổn thương thần kinh vận động trên/dưới, xác định tương đối vị trí tổn thương. - Phân độ được tổn thương thần kinh theo Frankel/ASIA. 	
10	<p>Thăm khám bệnh nhân tiền phẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khám phát hiện triệu chứng cơn đau quặn thận. - Khám thận (nhìn, sờ, các nghiệm pháp rung thận, chạm thận, bập bênh thận). - Khám các điểm đau của thận, niệu quản. - Khám bàng quang (nhìn, sờ, gõ). - Khám niệu đạo (nam, nữ). - Khám tiền liệt tuyến (đánh giá được thang điểm IPSS, cách thăm trực tràng). - Khám dương vật (quan sát, sờ nắn). - Khám bìu (quan sát, sờ nắn). 	Ngoại niệu
11	<p>Khám bụng bệnh nhân hậu phẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khám hậu phẫu bệnh nhân mổ hở lấy sỏi. - Khám hậu phẫu bệnh nhân mổ nội soi sau phúc mạc lấy sỏi. - Khám hậu phẫu bệnh nhân nội soi niệu quản ngược dòng tán sỏi. - Khám hậu phẫu bệnh nhân cắt đốt nội soi đốt nội soi tuyến tiền liệt. - Khám hậu phẫu bệnh nhân chấn thương thận. - Khám hậu phẫu bệnh nhân khâu bàng quang (mổ hở, nội soi) - Quan sát vùng hông lưng, mô tả tình trạng vết mổ, mô tả tình trạng các ống dẫn lưu (cạnh thận, sonde tiêu). 	
12	<p>Khám tiền phẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khám tổng quát. - Khám các dấu hiệu gãy xương. - Khám phát hiện tổn thương thần kinh ngoại biên (thần kinh quay, trụ, giữa, hông khoeo ngoài). - Mô tả vết thương trong gãy xương hở và phân loại theo Gustilo. - Khám phát hiện tổn thương động mạch. - Khám phát hiện chèn ép khoang. - Đọc phim Xquang: vị trí, kiểu gãy, các di lệch. 	Ngoại chấn thương
13	<p>Khám hậu phẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khám toàn trạng đánh giá các biến chứng sau mổ (mất máu, nhiễm trùng). - Khám đánh giá vết mổ. - Khám kiểm tra vận động và biến chứng tổn thương thần kinh ngoại biên. - Đánh giá ống dẫn lưu (nếu có). - Đọc Xquang sau mổ: đánh giá di lệch còn lại và độ vững. 	
14	<p>Khám bệnh nhân sau bó bột</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khám đánh giá chất lượng và kỹ thuật bột. - Khám phát hiện biến chứng chèn ép bột. 	

	- Đọc Xquang kiểm tra sau bó bột: di lệch còn lại có chấp nhận hay không (dựa theo tiêu chí).	
Sản khoa		
I. Khám chuyên dạ sanh:		
1	+ Khám bụng: BCTC, VB, ước lượng trọng lượng thai, thủ thuật Leopold, bắt con co tử cung: tần số, co nghĩ. Nghe tim thai.	
2	+ Khám âm đạo: Cổ tử cung: vị trí, mật độ, độ xóa, độ mở, hướng Ổi: còn (phồng, dẹt, ý nghĩa); ối vỡ (thời gian, màu, mùi, lượng) Ngôi thai (điểm mốc), kiểu thế? Độ lọt của ngôi: Phương pháp Dellee	
3	+ Khám khung chậu: . Eo trên . Eo giữa . Eo dưới	
II. Khám bệnh lý phụ khoa		
1	+ Mô tả đặc tính của khối u: mô tả thuộc tính khối u sau khám như vị trí, kích thước, bề mặt, giới hạn, mật độ, di động, đau hay không, các phương pháp điều trị trước đây.	
III. Khám hậu sản/ hậu phẫu		
1	- Vết mổ: vị trí? Kích thước? Khô hay không? - Tử cung: sự co hồi của tử cung (trên vệ cm)? Mật độ của tử cung (mềm? chắc?) - Sản dịch: số lượng? màu? mùi? - Vú: lên sữa - Tầng sanh môn: mô tả vết cắt may TSM (Vị trí? Kích thước? Khô hay không?)	
IV. Khám bé:		
1	- Sinh hiệu? - Đi tiểu? Đi tiêu? (thời điểm đi tiểu, đi tiêu sau sanh hay sau mổ bao nhiêu giờ) - Khám các phản xạ nguyên phát?	
Nhi khoa		
1	Đánh giá hôn mê bằng thang điểm glasgow	Hồi sức tích cực
2	Lọc bệnh	
3	Khám bụng	Tiêu hóa
4	Đặt sonde dạ dày	
5	Thăm trực tràng	
6	Các phản xạ nguyên phát	Sơ sinh
7	Khám thóp	
8	Khám vàng da	
9	Khám tim	Tim mạch
10	Đo huyết áp	
11	Khám lồng ngực	Hô hấp

12	Khám mũi, họng	
13	Đếm nhịp thở	
14	Nghe phổi	
15	Cách khám gan trẻ	Nhiễm - SXH
16	Cách khám dấu hiệu cổ cứng	
17	Cách khám dấu hiệu Kernig	
18	Nhận biết hồng ban tay chân miệng	
19	Cách khám phù khi khám bệnh nhân HCTH	Thận
20	Cách theo dõi cân nặng BN HCTH	
22	Cách khám thận	
23	Xác định cầu bàng quang ở bệnh nhân bí tiểu	
24	Hướng dẫn BN cách lấy nước tiểu XN đạm niệu 24h	Huyết học
25	Mô tả cách sờ lách	
26	Mô tả cách khám hạch ngoại vi	
27	Nguyên lý, cách tiến hành và đọc kết quả dấu dây thắt	
26	Cách cân và đo chiều cao trẻ em	Dinh dưỡng

II. NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

2.1 Phần chung:

TT	Chủ đề	Ghi chú
1	Di chứng tai biến bệnh MMN	
2	Liệt dây TK VII ngoại biên	
3	Đau dây thần kinh V	
4	Đau thần kinh tọa	
5	Đau thần kinh liên sườn	
6	Thoái hóa khớp	
7	Viêm khớp	
8	Loãng xương	
9	Thoát vị đĩa đệm cột sống	
10	Viêm đa rễ, đa dây kinh	
11	Tăng huyết áp	
12	Thiếu máu cơ tim	
13	Suy giãn tĩnh mạch chi	
14	Rối loạn lipid máu	
15	Béo phì	
16	Đái tháo đường	
17	Viêm phế quản	
18	Rối loạn tiền đình	
19	Thiếu máu	
20	Suy nhược cơ thể	
21	Suy nhược thần kinh	
22	Nhiễm trùng đường tiết niệu	
23	Sỏi đường tiết niệu	
24	Viêm, loét dạ dày tá tràng	
25	Viêm đại tràng mạn tính	
26	Tiêu chảy	
27	Rối loạn kinh nguyệt	

28	Rối loạn tiền mãn kinh	
29	Rối loạn thần kinh thực vật	

2.2 Phần kỹ năng:

TT	Kỹ năng thăm khám	Ghi chú
1	Sinh hiệu	
2	BMI	
3	Khám khớp	
4	Khám cột sống (cổ, ngực, thắt lưng)	
5	Khám cơ	
6	Khám 12 dây thần kinh sọ	
7	Khám vận động	
8	Khám cảm giác	
9	Nghiệm pháp căng dây TK tọa	
10	Khám tim	
11	Khám mạch máu	
12	Khám bụng	
13	Khám ngực	
14	Xem lưỡi	YHCT
15	Bắt mạch	
16	Sờ da, bàn tay, bàn chân	
17	Ấn điểm đau	

III. NGÀNH RĂNG HÀM MẶT

TT	Chủ đề	Ghi chú
NHA CHU		
1	Khám phát hiện vôi răng dưới nướu	
2	Mô tả tình trạng nha chu	
3	Thăm dò túi nha chu	
4	Khám độ lung lay	
5	Lấy vôi răng bằng dụng cụ cầm tay và siêu âm	
PHỤC HÌNH		
1	Phác họa hàm khung cho hàm mất răng bán phần	
2	Lấy dấu sơ khởi cho hàm mất răng toàn bộ	
3	Thử khay cá nhân	
4	Làm vành khí	
5	Định hướng mặt phẳng khớp cắn trên lâm sàng	
6	Mài sửa soạn cùi răng cho răng sau làm mào kim loại toàn diện	
7	Mài sửa soạn cùi răng cho răng sau làm mào sứ kim loại	
CHỮA RĂNG- NỘI NHA		
1	Tạo xoang và trám xoang II bằng Composite	
2	Tạo xoang và trám xoang IV bằng Composite	
3	Tạo xoang và trám xoang V bằng Composite	
4	Tạo xoang và trám xoang III bằng Composite	
5	Mở tủy răng cửa	
6	Mở tủy răng cối nhỏ	
7	Mở tủy răng cối lớn	
8	Quay canxi 1 ống tủy đã sửa soạn ống tủy, chụp phim kiểm tra	
9	Trám bít 1 ống tủy, chụp phim kiểm tra (đã có phim thử cone)	
NHỒ RĂNG		

1	Nhổ răng thông thường	
2	Nhổ răng phẫu thuật	
3	Buộc cung cố định hàm (fantome head)	
4	Chuẩn bị dụng cụ nhổ răng phẫu thuật	

Nơi nhận:

- Khoa Y;
- Khoa RHM;
- Thông báo;
- Lưu: HCTH, ĐTDH.

KT.HIỆU TRƯỞNG
P.HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Minh Phương